

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1371/TB-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Tuyển sinh Sau đại học năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc miễn thi ngoại ngữ tuyển sinh Chuyên khoa 2 sau đại học;

Căn cứ công văn số 8330/BYT-K2ĐT ngày 23 tháng 11 năm 2011 Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cải tiến thi tuyển sinh Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo Chuyên khoa I, Chuyên khoa II, Bác sĩ nội trú trong năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 3125/QĐ-TĐHYKPNT ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TĐHYKPNT ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 6521/QĐ-TĐHYKPNT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TĐHYKPNT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-TĐHYKPNT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2025;

Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch thông báo tổ chức thi tuyển sinh Sau đại học năm 2024 trình độ Chuyên khoa cấp I (CKI), Chuyên khoa cấp II (CKII), Bác sĩ Nội trú (BSNT), Thạc sĩ (ThS), Tiến sĩ (TS) gồm các ngành/chuyên ngành sau:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	CKI	CKII	BSNT	ThS	TS
1	Chẩn đoán hình ảnh	X	X	X	X	
2	Chấn thương chỉnh hình	X	X			
3	Da liễu	X	X	X		
4	Dược lý – Dược lâm sàng	X			X	
5	Tổ chức – Quản lý dược	X				
6	Điều dưỡng	X			X	
7	Gây mê hồi sức	X				
8	Hồi sức cấp cứu – chống độc	X				
9	Khoa học Y sinh				X	
9.1	Giải phẫu học				X	
9.2	Giải phẫu bệnh				X	
9.3	Hóa sinh y học				X	
9.4	Ký sinh trùng y học				X	
9.5	Mô phôi				X	
9.6	Sinh lý				X	
9.7	Vi sinh y học				X	
10	Lão khoa		X			
11	Nhãn khoa	X	X	X	X	

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	CKI	CKII	BSNT	ThS	TS
12	Nhi khoa	X	X	X	X	X
13	Nội khoa	X	X	X	X	X
13.1	Nội khoa (Chuyên ngành Da liễu)				X	
14	Nội tim mạch		X			
15	Ngoại khoa	X	X	X	X	X
15.1	Ngoại Chấn thương chỉnh hình					X
15.2	Ngoại Lòng ngực – Tim mạch					X
15.3	Ngoại Lòng ngực				X	
16	Ngoại Lòng ngực		X			
17	Ngoại Tiết niệu		X			
18	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	X	X			
19	Quản lý Y tế		X			
20	Răng Hàm Mặt	X				
21	Sản phụ khoa	X	X	X	X	
22	Tai – Mũi – Họng	X	X	X	X	X
23	Thần kinh	X	X			
24	Tâm thần	X				
25	Huyết học - Truyền máu	X	X			
26	Truyền nhiễm	X	X	X		
27	Ung bướu	X	X	X		
28	Xét nghiệm Y học	X				
29	Y học Gia đình	X		X	X	
30	Y tế công cộng				X	

I. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ CÁC MÔN THI CHO TỪNG CẤP:

1. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP I:

1.1 Điều kiện dự thi:

- Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học, hiện đang công tác tại các cơ sở y tế.

- Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc và phải nộp đầy đủ các minh chứng sau: Chứng chỉ hành nghề (CCHN) đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi, Hợp đồng lao động hoặc Quyết định điều động, Quyết định tiếp nhận, Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội liên tục từ trước ngày 01/01/2012 đến ngày đăng ký dự thi tại cơ quan đang công tác.

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Y học gia đình: lưu ý đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi.

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Xét nghiệm: có bằng cử nhân Kỹ thuật Y học chuyên ngành Xét nghiệm hoặc cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học hoặc Bác sĩ đa khoa đã có chứng chỉ hành nghề Xét nghiệm Y học.

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ phải có:

+ Giấy phép hành nghề hoặc CCHN với phạm vi hành nghề y khoa, đa khoa hoặc chuyên khoa thuộc hệ ngoại: Ngoại tổng quát (Tiêu hoá – Gan mật tụy); Ngoại lồng ngực mạch máu; Ngoại thần kinh – cột sống; Ngoại nhi; Ngoại tiết niệu – sinh dục; Chấn thương chỉnh hình; Bỏng; Sản phụ khoa; Tai Mũi Họng; Mắt; Ung thư (kèm xác nhận thâm niên Ngoại và đang làm việc tại khoa Ngoại); Phẫu thuật tạo hình.

+ Chứng chỉ định hướng chuyên khoa hoặc chuyên khoa cơ bản hoặc chứng chỉ các lớp có thời gian và nội dung đào tạo tương đương về Phẫu thuật tạo hình (*do các Trường được Bộ Y tế cho phép đào tạo*)

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng: có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề Dược có phạm vi hoạt động là Dược lâm sàng.

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Tổ chức – Quản lý Dược: có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề Dược.

- Thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt: có bằng tốt nghiệp đại học chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt và có chứng chỉ hành nghề Răng – Hàm – Mặt.

Lưu ý:

- **Thâm niên chuyên môn để dự thi CKI:** đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh): **thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề.**

- Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành **khác** với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi tính đến thời điểm dự thi.

- Có đủ sức khỏe, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

1.2 Hình thức đào tạo: Tập trung 2 năm.

1.3 Các môn thi tuyển: Môn cơ sở và môn chuyên ngành.

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
2	Chấn thương chỉnh hình	Giải phẫu	Chấn thương chỉnh hình
3	Da liễu	Sinh lý	Da liễu
4	Dược lý – Dược lâm sàng	Dược cơ sở	Dược lý
5	Tổ chức – Quản lý Dược	Dược cơ sở	Quản lý dược
6	Điều dưỡng	Sinh lý	Điều dưỡng
7	Gây mê hồi sức	Sinh lý	Gây mê hồi sức
8	Hồi sức cấp cứu – chống độc	Sinh lý	Hồi sức cấp cứu - chống độc
9	Nhãn khoa	Giải phẫu	Nhãn khoa
10	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
11	Nội khoa (Nội tổng quát)	Sinh lý	Nội tổng quát
12	Ngoại khoa (Ngoại tổng quát)	Giải phẫu	Ngoại tổng quát
13	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	Giải phẫu	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ
14	Răng hàm mặt	Nha khoa cơ sở	Răng Hàm Mặt
15	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản phụ khoa
16	Tai – Mũi – Họng	Giải phẫu	Tai – Mũi – Họng
17	Thần kinh	Sinh lý	Thần kinh
18	Tâm thần	Sinh lý	Tâm thần

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
19	Huyết học - Truyền máu	Sinh lý	Huyết học - Truyền máu
20	Truyền nhiễm	Sinh lý	Truyền nhiễm
21	Ung bướu	Giải phẫu	Ung bướu
22	Xét nghiệm Y học	Sinh lý	Xét nghiệm
23	Y học Gia đình	Tổ chức quản lý y tế	Y học gia đình (Đa khoa lâm sàng: Nội, Ngoại, Sản, Nhi)

2. TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA CẤP II:

2.1 Điều kiện dự thi:

- Bác sĩ có bằng tốt nghiệp CKI, BSNT hoặc ThS đúng ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI, BSNT, ThS hoặc đăng ký dự thi CKII theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp của ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ CKI, BSNT hoặc ThS, hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi và được cơ quan chủ quản cử đi dự thi.

Ví dụ: thí sinh có bằng CKI, BSNT hoặc ThS chuyên ngành Nội tổng quát được đăng ký dự thi CKII chuyên ngành Nội tim mạch, CKII chuyên ngành Nội tiêu hóa..., tuy nhiên, thí sinh có bằng tốt nghiệp CKI, BSNT hoặc ThS chuyên ngành Nội tim mạch hoặc chuyên ngành Nội tiêu hóa sẽ không được đăng ký dự thi CKII chuyên ngành Nội tổng quát.

- **Thâm niên chuyên môn để dự thi:** sau khi tốt nghiệp CKI, BSNT hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp ThS tính đến ngày dự thi. Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi (đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề).

- **Đối với CKII Quản lý Y tế:** bác sĩ có văn bằng CKI, văn bằng ThS không đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải có xác nhận bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị về việc thí sinh đang làm lãnh đạo hoặc đã được quy hoạch lãnh đạo cấp Khoa/Phòng/Bộ môn trở lên và phải học **bổ sung 5 tín chỉ về YTCC** sau khi trúng tuyển...

- Có đủ sức khỏe, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc xác nhận.

2.2 Hình thức đào tạo: Tập trung 2 năm.

2.3 Các môn thi tuyển:

- **Môn chuyên ngành:** theo chuyên ngành đã đăng ký dự thi.

- **Ngoại ngữ:** Anh văn hoặc Pháp văn trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi. Đề thi có phần chuyên ngành và trình độ tương đương trình độ bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**** Điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ:**

- **Đối tượng 1:** Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (KV1) **HOẶC** đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn *đối với người không phải dân tộc Kinh*.

+ **Đính kèm minh chứng:** Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên theo khu vực (*theo mẫu*); Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*bản sao có công chứng hay chứng thực*); Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội liên tục 3 năm đến ngày đăng ký dự thi tại cơ quan đang công tác.

+ *Thí sinh nợ môn Ngoại ngữ thuộc đối tượng 1 sẽ tự học và thi đạt môn ngoại ngữ (tương đương trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp CKII.*

- **Đối tượng 2:** (*xem Mục III. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC XÉT MIỄN THI TUYỂN MÔN NGOẠI NGỮ*)

3. TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ

3.1 Điều kiện dự thi:

- Bác sĩ đa khoa hệ chính quy, tốt nghiệp năm 2025 và đạt loại **KHÁ** trở lên.
- Trong 6 năm học Đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).
- Thí sinh tốt nghiệp đạt loại **xuất sắc (điểm trung bình từ 9 trở lên)**, nếu có đủ điều kiện quy định sẽ được xem xét miễn thi tuyển.
- Có đủ sức khỏe, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Các trường hợp bác sĩ thuộc hệ cử tuyển hoặc hợp đồng đào tạo theo địa chỉ sử dụng phải có công văn cử đi dự thi bác sĩ nội trú của Sở Y tế hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

3.2 Hình thức đào tạo: Tập trung 3 năm.

3.3. Các môn thi tuyển:

- **Các môn thi chung:** 03 môn
 - + **Môn thi 1:** Toán xác suất thống kê.
 - + **Môn thi 2:** Ngoại ngữ (*Anh văn hoặc Pháp văn*).

Điều kiện xét miễn thi môn Ngoại ngữ: xem Mục III. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC XÉT MIỄN THI TUYỂN MÔN NGOẠI NGỮ.

+ **Môn thi 3:** Đề thi tổng hợp bao gồm **Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y Sinh học di truyền.**

+ **Môn chuyên ngành:** 02 môn

TT	CHUYÊN NGÀNH	Môn 4	Môn 5
1	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại	Sản
2	Nhãn khoa	Ngoại	Sản
3	Ngoại tổng quát	Ngoại	Sản
4	Sản phụ khoa	Sản	Ngoại
5	Tai – Mũi – Họng	Ngoại	Sản
6	Ung bướu	Ngoại	Sản
7	Da liễu	Nội	Nhi
8	Nhi khoa	Nhi	Nội
9	Nội tổng quát	Nội	Nhi
10	Truyền nhiễm	Nội	Nhi
11	Y học gia đình	Nội	Nhi

4. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ:

4.1 Điều kiện dự thi:

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp:

+ Đối với thí sinh dự thi ThS **Điều dưỡng:** có bằng Cử nhân Điều dưỡng

+ Đối với thí sinh dự thi ThS **Dược lý - Dược lâm sàng:** có bằng Dược sĩ

+ Đối với thí sinh dự thi ThS **Y tế công cộng:** có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo Danh mục thống kê ngành đào tạo theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

+ Đối với các chuyên ngành còn lại: Có bằng Bác sĩ đa khoa.

- Thí sinh có xếp loại tốt nghiệp từ KHÁ trở lên, hoặc phải bổ sung minh chứng công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- **Trình độ ngoại ngữ (bắt buộc):** Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (**xem Phụ lục I và Phụ lục II**) hoặc tương đương:

+ Bằng Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng Tốt nghiệp Đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 2 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời gian 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Có đủ sức khỏe, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4.2 Hình thức đào tạo: Tập trung 2 năm.

4.3 Các môn thi tuyển:

TT	Chuyên ngành	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
1	Chẩn đoán hình ảnh	Giải phẫu	Chẩn đoán hình ảnh
2	Dược lý – Dược lâm sàng	Dược cơ sở	Dược lý
3	Khoa học Y sinh:		
	Giải phẫu học	Sinh lý	Khoa học y sinh (tổng hợp)
	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu	
	Hóa sinh y học	Sinh lý	
	Ký sinh trùng y học	Sinh lý	
	Mô phôi	Giải phẫu	
	Sinh lý	Giải phẫu	
	Vi sinh y học	Sinh lý	
4	Ngoại khoa	Giải phẫu	
4.1	Ngoại Lòng ngực	Giải phẫu	Ngoại tổng quát

TT	Chuyên ngành	Môn Cơ sở	Môn chuyên ngành
5	Sản phụ khoa	Giải phẫu	Sản khoa
6	Tai – Mũi – Họng	Giải phẫu	Tai – Mũi – Họng
7	Điều dưỡng	Sinh lý	Điều dưỡng
8	Nhãn khoa	Giải phẫu	Nhãn khoa
9	Nhi khoa	Sinh lý	Nhi khoa
10	Nội khoa	Sinh lý	Nội khoa
10.1	Nội khoa (Da liễu)	Sinh lý	Nội khoa
11	Y học Gia đình	Sinh lý	Y học gia đình
12	Y tế công cộng	Dịch tễ học cơ bản	Tổ chức quản lý y tế

5. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ:

5.1 Điều kiện xét tuyển:

a. Văn bằng, có 1 trong các văn bằng sau đây:

- Có bằng thạc sĩ y học ngành đúng với ngành đăng ký dự tuyển;
- Hoặc có bằng bác sĩ đa khoa tốt nghiệp hạng giỏi trở lên;
- Hoặc có bằng tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành đúng hoặc ngành phù hợp (Phụ lục VI) với ngành đăng ký dự tuyển.

b. Kinh nghiệm nghiên cứu: có 01 trong các minh chứng dưới đây:

- Có luận văn thạc sĩ;
- Hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện;
- Hoặc là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ với có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên.

c. Đề cương nghiên cứu: Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khoá.

d. Ngoại ngữ:

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được Cục

Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng tương đương theo qui định hiện hành);

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021) (Phụ lục 1 và Phụ lục 2);

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

e. Điều kiện khác: Có đủ sức khỏe, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.2 Hình thức đào tạo:

- Đào tạo chính quy tập trung 3 năm đối với người có bằng Thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đúng với ngành đăng ký dự tuyển;

- Đào tạo chính quy tập trung 4 năm đối với người chưa có bằng Thạc sĩ.

5.3 Nội dung xét tuyển:

Thí sinh sẽ được đánh giá chấm điểm thông qua hồ sơ dự tuyển, kinh nghiệm nghiên cứu, chất lượng đề cương nghiên cứu theo hình thức trực tiếp.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN: những đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh (chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký dự thi CKI, CKII và ThS).

1. Đối tượng ưu tiên:

- Người hiện đang công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là KHU VỰC 1 trong Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có xác nhận thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh Đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Chính sách ưu tiên:

- CKI, ThS: Thí sinh dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng **một điểm (1đ)** vào kết quả thi **môn cơ sở** (thang điểm 10);

- CKII: Thí sinh dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng **một điểm (1đ)** vào kết quả thi **môn Ngoại ngữ** (thang điểm 10).

Lưu ý:

- Các thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên cần nộp đầy đủ minh chứng ngay khi nộp hồ sơ (xem **Phụ lục III**). **Không giải quyết các trường hợp bổ sung minh chứng ưu tiên sau khi đã hoàn tất hồ sơ hoặc hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi.**

- Mỗi thí sinh **chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên**, thí sinh không đăng ký đối tượng ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

- Danh sách thí sinh thuộc diện đối tượng ưu tiên sẽ được công bố trước **ngày 29/7/2025** tại đường dẫn <https://psdh.pnt.edu.vn/>. **Nhà trường không giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại sau ngày 01/8/2025.**

III. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC XÉT MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng tương đương theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực trong thời gian 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi (**xem Phụ lục I và Phụ lục II**).

**Thí sinh đăng ký miễn thi tuyển môn Ngoại ngữ phải nộp kèm minh chứng. Danh sách miễn thi Ngoại ngữ sẽ được công bố trước ngày 29/7/2025 tại đường dẫn <https://psdh.pnt.edu.vn/>. Mọi thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết sau ngày 01/8/2025.*

IV. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN VÀ XÉT TUYỂN BỔ SUNG:

1. Đối với thí sinh dự thi CKI, CKII, ThS:

- Các môn thi đạt từ 05 điểm trở lên (sau khi cộng điểm ưu tiên). Các thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi sẽ được xếp thứ tự tổng điểm (không tính môn ngoại

ngữ) từ cao xuống thấp và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu của từng ngành/chuyên ngành.

- Trong trường hợp thí sinh **đồng điểm** sẽ được xét như sau:

+ **CKI**: xét theo thí sinh có điểm cao hơn của môn chuyên ngành.

+ **CKII**: xét theo thứ tự:

- 1) Thí sinh có điểm cao hơn của môn chuyên ngành;
- 2) Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ;
- 3) Thí sinh có điểm môn Ngoại ngữ cao hơn.

+ **ThS**: xét theo thứ tự:

- 1) Ưu tiên thí sinh là nữ theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;
- 2) Thí sinh có điểm cao hơn của môn chuyên ngành.

Lưu ý: Đối với thí sinh dự thi ThS Nội khoa (Chuyên ngành Da liễu) và ThS Ngoại khoa (chuyên ngành Ngoại Lòng ngực) cần có điểm đạt cao hơn điểm chuẩn của ThS ngành Nội khoa và ThS ngành Ngoại khoa.

2. Đối với thí sinh dự thi Bác sĩ Nội trú:

- Để đủ điều kiện xét tuyển: (*tính theo thang điểm 10*), thí sinh dự thi BSNT cần đạt:

+ Môn thi 4 phải đạt từ 7 điểm trở lên.

+ Các môn thi còn lại phải đạt từ 5 điểm trở lên.

- Xét trúng tuyển:

+ Tính tổng điểm các môn thi (*không tính môn Ngoại ngữ*), xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành.

+ Trường hợp thí sinh **đồng điểm** sẽ được xét theo từng chuyên ngành theo thứ tự:

- 1) Thí sinh có điểm **Môn 4** cao hơn;
- 2) Thí sinh có điểm **Môn 5** cao hơn;
- 3) Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ;
- 4) Thí sinh có điểm cao hơn của môn Ngoại ngữ.

3. Xét tuyển bổ sung:

- Căn cứ vào số lượng thí sinh đạt điều kiện xét trúng tuyển, Nhà trường có thể điều chỉnh chỉ tiêu CKI, CKII, BSNT trong cùng một chuyên ngành, đảm bảo tổng chỉ tiêu theo khả năng đào tạo của chuyên ngành không thay đổi.

- Hội đồng tuyển sinh sẽ công bố danh sách công nhận đủ điều kiện trúng tuyển theo chỉ tiêu đã được phê duyệt và gửi Giấy báo nhập học cho các thí sinh trong danh sách trên.

- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học nhưng không nộp hồ sơ đăng ký nhập học đúng thời gian quy định sẽ bị xóa tên khỏi danh sách công nhận đủ điều kiện trúng tuyển.

Căn cứ vào số lượng thí sinh bị xóa tên khỏi danh sách công nhận đủ điều kiện trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét, quyết định việc tổ chức xét tuyển bổ sung danh sách đủ điều kiện trúng tuyển và gửi Giấy báo nhập học cho người đủ điều kiện trúng tuyển mới.

4. Đối với Nghiên cứu sinh:

- Điều kiện xét tuyển: (tính theo thang điểm 100)

+ Điểm đề cương nghiên cứu phải đạt từ 40 điểm trở lên;

+ Tổng điểm xét tuyển phải đạt từ 50 điểm trở lên.

- Xét trúng tuyển:

+ Tính tổng điểm các thành phần, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu của từng ngành;

+ Trường hợp thí sinh **đồng điểm** sẽ được xét theo từng ngành theo thứ tự:

1) Thí sinh có điểm đề cương nghiên cứu cao hơn;

2) Thí sinh có thành tích nghiên cứu khoa học được tính điểm cao hơn dựa trên số điểm tối đa của các bài báo hoặc công trình nghiên cứu (kinh nghiệm nghiên cứu) thí sinh đã công bố theo danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước;

3) Thí sinh có giải thưởng khoa học có liên quan với ngành dự thi.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI:

- Thí sinh tải các biểu mẫu hồ sơ theo đường dẫn:

<https://pnt.edu.vn/link/hstuyensinhdsdh2025>

- Tất cả thí sinh phải đăng ký hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ:

<http://tuyensinh.pnt.edu.vn> (Thí sinh xem hướng dẫn tại Phụ lục IV).

- Bằng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ của nước ngoài cấp phải có giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

HỒ SƠ DỰ THI TRỰC TUYẾN bao gồm:

STT	Hồ sơ	Đối tượng				
		CKI	CKII	BSNT	ThS	TS
1	File ảnh màu (Định dạng JPG, PNG, GIF (<i>lưu ý: file ảnh đăng ký trực tuyến và ảnh nộp hồ sơ phải giống nhau; đều là file ảnh chụp kỹ thuật số và hình chụp không quá 6 tháng</i>))**	X	X	X	X	X
2	Giấy khai sinh**	X	X	X	X	
3	CCCD**	X	X	X	X	X
4	Phiếu đăng ký dự tuyển (<i>theo mẫu</i>)	X	X	X	X	X
5	Sơ yếu lý lịch (<i>theo mẫu</i>): - Có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp: CKI và CKII; - Có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc xác nhận của địa phương: ThS, TS và BSNT.	X	X	X	X	X

STT	Hồ sơ	Đối tượng				
		CKI	CKII	BSNT	ThS	TS
6	Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp không quá 6 tháng tính đến ngày dự thi.	X	X	X	X	X
7	Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển của cơ quan chủ quản (theo mẫu) đối với thí sinh có chuyên ngành dự thi khác với phạm vi hoạt động của Chứng chỉ hành nghề	X	X			
8	Chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi**	X	X			
9	Công văn cử đi dự thi của cơ quan trực tiếp quản lý (theo mẫu)	X	X		X*	X*
10	Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên Khu vực của cơ quan có thẩm quyền và các minh chứng phù hợp với diện ưu tiên (<i>xem Phụ lục III</i>)	X*	X*		X*	
11	Bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đăng ký dự thi **	X	X	X	X	X
12	Bằng tốt nghiệp Y sĩ và bảng điểm kết quả học tập lớp Y sĩ <i>đối với thí sinh tốt nghiệp Bác sĩ hệ liên thông</i> **	X	X		X	X
13	Bằng tốt nghiệp Trung cấp Điều dưỡng và bảng điểm kết quả học tập Trung cấp Điều dưỡng <i>đối với thí sinh tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng hệ vừa học vừa làm</i> **	X			X	
14	Bằng tốt nghiệp CKI hoặc bằng Thạc sĩ kèm bảng điểm **		X			
15	Chứng chỉ Định hướng chuyên khoa <i>đối với thí sinh dự thi CKI chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ</i> **.	X				
16	Văn bằng hoặc chứng chỉ Ngoại ngữ (<i>xem mục IV và phụ lục I và phụ lục II</i>) **		X*	X*	X	X
17	Đơn xin miễn thi Ngoại ngữ (<i>theo mẫu</i>) (<i>nếu có cập nhật tại STT 16</i>)		X*	X*		
18	Thí sinh có hạng tốt nghiệp loại Trung bình hoặc Trung bình - Khá cần phải bổ sung minh chứng có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;				X	

STT	Hồ sơ	Đối tượng				
		CKI	CKII	BSNT	ThS	TS
19	Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo phải có đủ 3 nội dung sau: - Xếp loại tốt nghiệp đại học (<i>nếu thí sinh chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học, phải nộp kèm giấy chứng nhận tốt nghiệp; chỉ tính điểm lần 1</i>); - Xác nhận không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình học đại học; - Xác nhận không dừng học tập trong suốt quá trình học đại học (<i>trừ lý do sức khỏe</i>).			X		
20	Bằng tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc Bằng tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 kèm bảng điểm**					X
21	Đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khóa (6 bộ)					X
22	Cung cấp tối thiểu 1 trong 3 minh chứng cho kinh nghiệm nghiên cứu sau đây (6 bộ): - Tóm tắt Luận văn thạc sĩ kèm hình chụp bìa luận văn; - Bộ bản sao bao gồm trang bìa, mục lục và toàn văn bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành; - Giấy xác nhận là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ với có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên.					X
23	Lý lịch Khoa học (<i>theo mẫu</i>) kèm minh chứng tất cả các công bố khoa học					X
24	Thư giới thiệu (<i>theo mẫu</i>)					X*

(*): Nếu có

(**): Đối với hồ sơ trực tuyến, sử dụng file scan màu BẢN GỐC. Đối với hồ sơ trực tiếp, nộp bản được công chứng hoặc sử dụng bản sao.

Các học viên đang theo học Sau đại học của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và các trường Đại học Y Dược khác không được nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Tất cả trường hợp vi phạm sẽ bị hủy kết quả thi tuyển và buộc thôi học.

Tất cả văn bằng, chứng chỉ và chứng chỉ hành nghề của thí sinh sẽ được xác minh tính pháp lý sau khi trúng tuyển và trong thời gian học tại trường. Thí sinh sử dụng các giấy tờ giả mạo, khai không đúng sự thật trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị hủy kết quả thi, buộc thôi học và gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo qui định của pháp luật.

VI. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ:

1. Trình độ BSNT, CKI, CKII, Thạc sĩ

- Thời gian đăng ký trực tuyến: từ ngày **26/5/2025** đến **27/6/2025**.

- Sau khi nộp hồ sơ trực tuyến thành công, thí sinh sẽ đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường từ ngày **01/7 - 04/7/2025** (Địa điểm và thời gian cụ thể sẽ được thông báo qua email thí sinh đăng ký).

- Thí sinh theo dõi thông tin danh sách miễn thi ngoại ngữ, danh sách đối tượng ưu tiên trên website <https://psdh.pnt.edu.vn/>. Mọi thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết sau ngày **29/7/2025**.

- Từ ngày **12/8/2025**: Thí sinh tra cứu thông tin **phiếu báo dự thi** (*Số báo danh và phòng thi*) tại trang đăng ký dự thi của Trường. Thí sinh sẽ **nhận Phiếu báo dự thi** vào lúc 08g00, ngày **18/8/2025** tại phòng thi.

2. Trình độ Nghiên cứu sinh (NCS):

- Thời gian đăng ký hồ sơ trực tuyến: từ ngày **28/7 – 08/8/2025**.

- Thời gian nhận hồ sơ trực tiếp tại trường: từ ngày **15/8/2025**.

- Thời gian tổ chức xét duyệt tại trường: từ ngày **08/9 – 24/9/2025**.

Lưu ý:

- Thí sinh cần kiểm tra **hòm thư spam** để tránh thất lạc email.

- Sau thời hạn trên, nếu thí sinh không nộp hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp) sẽ xem như không đăng ký tham dự kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2025. Mọi thắc mắc, khiếu nại về sau sẽ không được giải quyết. Tất cả các giấy tờ trên được xếp theo thứ tự và nộp trực tiếp tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; Trường không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

VII. ÔN THI VÀ THI TUYỂN:

1. Ôn thi (Phụ lục V):

- Lệ phí ôn thi tuyển sinh : 550.000đ/ 01 môn

2. Lệ phí kiểm nhận hồ sơ dự thi:

+ CKI, CKII, Thạc sĩ, BSNT: 250.000 đ/ hồ sơ

+ Nghiên cứu sinh : 1.000.000 đ/ hồ sơ

3. Lệ phí thi tuyển:

+ CKI, CKII, ThS : 1.200.000đ/ 01 thí sinh

+ BSNT : 3.000.000đ/ 01 thí sinh

- Lệ phí xét tuyển NCS : 4.400.000đ/ 01 thí sinh

- Lệ phí phúc khảo : 220.000đ/ 01 môn

**Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không đủ điều kiện dự thi, tự ý bỏ thi, thi không đạt hoặc thay đổi cấp đào tạo, chuyên ngành dự thi sau khi hoàn tất đăng ký hồ sơ.*

VIII. THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI:

NGÀY	GIỜ CÓ MẶT CỦA THÍ SINH	ĐỐI TƯỢNG	MÔN THI	ĐỊA ĐIỂM THI
18/8/2025 (thứ Hai)	8g00	- Thạc sĩ - BSNT - CKI, CKII	Phát phiếu báo dự thi và Nghe phổ biến quy chế thi	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch
	13g30	- BSNT - CKII	Ngoại ngữ	
		- CKI	Cơ sở	
		- Thạc sĩ		
19/8/2025 (thứ Ba)	13g30	- BSNT	<i>Đề thi tổng hợp bao gồm: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y Sinh học di truyền</i>	
		- CKI, CKII - Thạc sĩ	Chuyên ngành	
20/8/2025 (thứ Tư)	13g30	- BSNT	Toán Xác suất thống kê	
21/8/2025 (thứ Năm)	13g30	- BSNT	Ngoại / Nội	
22/8/2025 (thứ Sáu)	13g30	- BSNT	Sản / Nhi	

Lưu ý:

- + Thí sinh phải chuẩn bị **bút chì, gôm và bút mực xanh** trong các buổi thi.
- + Thí sinh có mặt đúng giờ, mang theo phiếu báo dự thi và Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân trong tất cả các buổi thi.
- + Thí sinh **không được** phép mang điện thoại di động và tài liệu vào phòng thi trong tất cả các buổi thi. Thí sinh **không** mang theo tài sản quý giá vào khu vực thi. Mọi mất mát Hội đồng thi không chịu trách nhiệm.
- + Sau khi đã bộc lộ đề thi, thí sinh **không được** phép vào phòng thi.

Nơi nhận:

- Sở Y Tế TP.HCM và Sở Y Tế các tỉnh phía Nam;
- Các BV trực thuộc Sở Y tế TP.HCM;
- Các BV Quận, Huyện thuộc Sở Y tế TP.HCM;
- ĐU và HĐT (để b/c);
- HT và các PHT (để biết);
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Q_100b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH**

(Đã ký)

PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại

Phụ lục I

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, CHUYÊN KHOA 2 VÀ BÁC SĨ NỘI TRÚ

(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	VSTEP	Bậc 3	Bậc 4
		TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B1	B2
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2	Level 3
		PTE Academic	43 - 58	59 - 75
		VEPT	43 - 58	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức*	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
4	Tiếng Trung Quốc*	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
		Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL)	TOCFL Bậc 3	TOCFL Bậc 4
5	Tiếng Nhật*	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga*	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

*Lưu ý: Không áp dụng cho thí sinh dự thi trình độ Thạc sĩ ngành Nhân khoa và ngành Y tế công cộng.

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ CẤP CHỨNG CHỈ ĐƯỢC
ÁP DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH
(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

TT	Tên đơn vị	Ngày có văn bản cho phép của Bộ GD&ĐT
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	06/12/2018
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	06/12/2018
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	06/12/2018
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	06/12/2018
5	Đại học Thái Nguyên	14/05/2019
6	Trường Đại học Cần Thơ	14/05/2019
7	Trường Đại học Hà Nội	14/05/2019
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	14/05/2019
9	Trường Đại học Vinh	07/11/2019
10	Học viện An ninh nhân dân	13/12/2019
11	Trường Đại học Sài Gòn	07/02/2020
12	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	20/02/2020
13	Trường Đại học Trà Vinh	06/03/2020
14	Trường Đại học Văn Lang	12/03/2020
15	Trường Đại học Quy Nhơn	08/09/2020
16	Trường Đại học Tây Nguyên	02/02/2021
17	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	09/04/2021
18	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	23/04/2021
19	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh	15/10/2021
20	Học viện Khoa học Quân sự	21/12/2021
21	Trường Đại học Thương mại	27/12/2021
22	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 2/2022
23	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	10/5/2022
24	Học viện Cảnh sát nhân dân	12/5/2022
25	Đại học Bách khoa Hà Nội	17/8/2022
26	Trường Đại học Nam Cần Thơ	1/10/2022

TT	Tên đơn vị	Ngày có văn bản cho phép của Bộ GD&ĐT
27	Trường Đại học Ngoại thương	Năm 2023
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	11/4/2023
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	30/7/2023
30	Trường Đại học Lạc Hồng	30/5/2023
31	Trường Đại học Đồng Tháp	Tháng 4/2024
32	Trường Đại học Duy Tân	Tháng 4/2024
33	Trường Đại học Phenikaa	Tháng 4/2024
34	Học Viện Ngân hàng	Tháng 4/2024
35	Trường Đại học Tài chính - Marketing	Tháng 11/2024
36	Trường ĐH Thành Đông	Tháng 02/2025
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 03/2025
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tháng 03/2025

(Căn cứ danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Dữ liệu cập nhật đến tháng 03/2025) do Cục Quản lý chất lượng công bố tại <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-khao-thi/thong-bao/cuc-quan-ly-chat-luong-cong-bo-danh-sach-cac-don-vi-to-chuc-thi-danh-gia-nang-luc-tieng-anh-theo-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam-du-lieu-cap-nhat-den-thang-03-2025-43.html>)

Phụ lục III
MINH CHỨNG CỦA THÍ SINH ĐĂNG KÝ ĐIỆN ƯU TIÊN
*(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

1. Người hiện đang công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui hiện hành:

- Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên theo khu vực (theo mẫu).
- Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*).
- Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội liên tục 2 năm đến ngày đăng ký dự thi tại cơ quan đang công tác.

2. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh:

- Giấy xác nhận là thương binh hay giấy xác nhận là người được hưởng chính sách như thương binh (*).
- Thẻ thương binh (*).

3. Con liệt sĩ:

- Giấy xác nhận cha hoặc mẹ là liệt sĩ (*).
- Giấy khai sinh của thí sinh (*).

4. Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng Lao động:

- Giấy xác nhận là Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng Lao động (*).

5. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1:

- Giấy xác nhận thông tin về cư trú (Mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 66/2023/TT-BCA của Bộ Công an¹) (*).

6. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học:

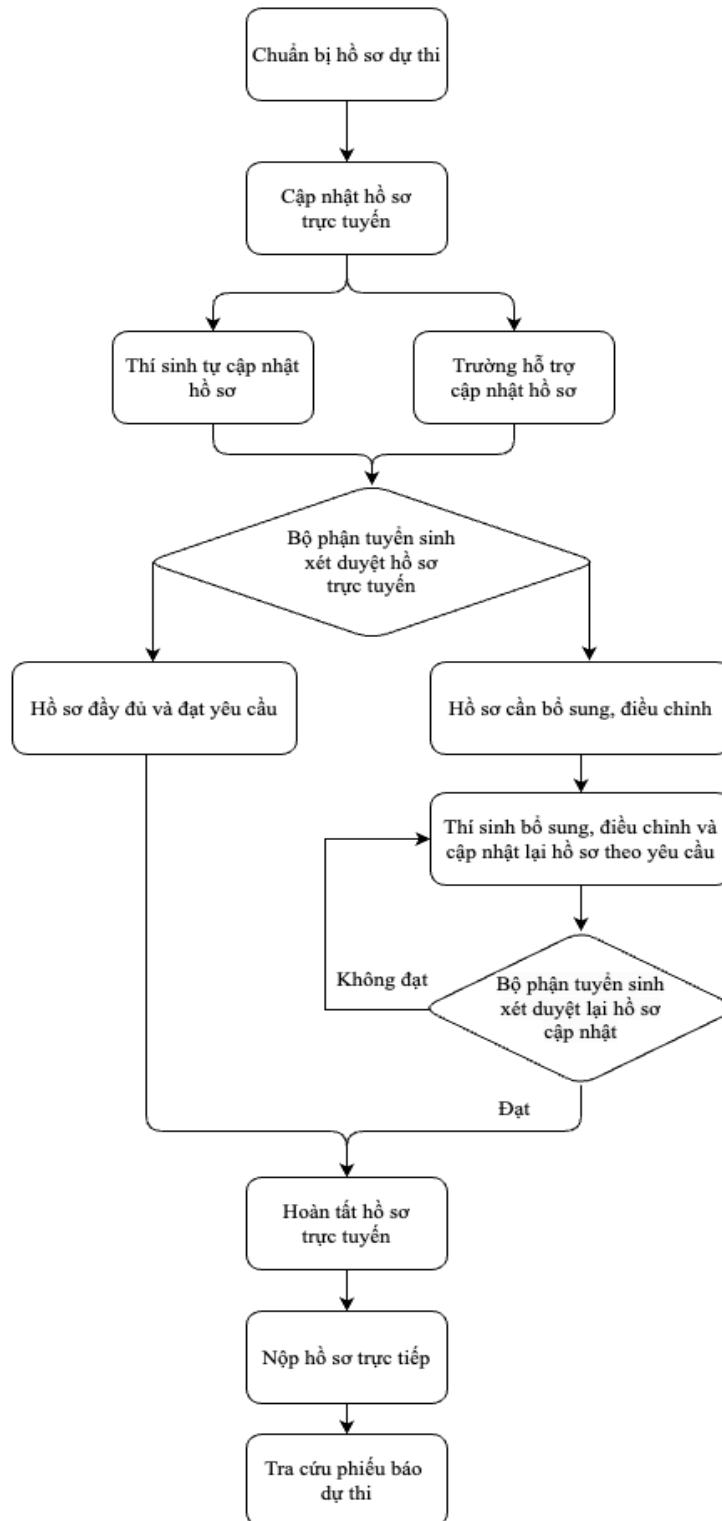
- Giấy xác nhận của cha hoặc mẹ là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (*).
- Giấy xác nhận của thí sinh là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học (*).
- Giấy khai sinh của thí sinh (*).

(*): Hồ sơ trực tuyến scan bản gốc và nộp bản sao có công chứng trong hồ sơ nộp tại Trường.

1. Thông tư số 66/2023/TT-BCA của Bộ Công an Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú; Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú), trong đó tại mục III cần ghi rõ xác nhận **thông tin về thời gian cư trú** ở địa phương được quy định là Khu vực 1.

Phụ lục IV
HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỒ SƠ TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

I. Tóm tắt quy trình:



II. Diễn giải quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Thí sinh tải và hoàn thiện các mẫu hồ sơ dự thi (theo danh mục hồ sơ tại mục V. HỒ SƠ TUYỂN SINH)

- Hồ sơ đăng ký được scan tạo thành từng file riêng biệt theo định dạng PDF (mỗi file dung lượng $\leq 5\text{Mb}$). Thí sinh có thể sử dụng máy scan hoặc sử dụng phần mềm scan trên app của smartphone như CamScanner, Adobe Scan, Scanner Mini...

Bước 2: Cập nhật hồ sơ trực tuyến

*"Đây là bước **BẮT BUỘC** phải thực hiện để đăng ký hồ sơ dự thi"*

2.1 Cập nhật hồ sơ:

2.1.1 Thí sinh tự cập nhật hồ sơ:

Thí sinh truy cập đường dẫn: <http://tuyensinh.pnt.edu.vn>.

Thí sinh điền đầy đủ thông tin, cập nhật hồ sơ theo đúng quy định (Bước 1) và chọn mục **ĐĂNG KÝ**.

***Lưu ý:** Thí sinh kiểm tra kỹ email đã cung cấp để nhận các phản hồi từ hệ thống và từ Bộ phận tuyển sinh.*

2.1.2 Trường hỗ trợ cập nhật hồ sơ:

Trong quá trình xử lý hồ sơ trực tuyến, nếu thí sinh gặp khó khăn vui lòng liên hệ số điện thoại (028) 38 683 958 hoặc (028) 38 652 435 - Nhánh 148 để được hỗ trợ. Bộ phận tuyển sinh sẽ tiếp nhận và xử lý hỗ trợ, trong trường hợp cần thiết, sẽ hẹn thí sinh lên trường để trực tiếp xử lý cập nhật hồ sơ lên hệ thống (trong giờ hành chính, dự kiến từ **ngày 09/6/2025 đến ngày 13/6/2025**).

2.2 Thanh toán lệ phí duyệt hồ sơ: Hệ thống sẽ gửi mail xác nhận và hướng dẫn thanh toán lệ phí duyệt hồ sơ vào địa chỉ mail của thí sinh đã đăng ký. Thí sinh thực hiện thao tác thanh toán lệ phí duyệt hồ sơ và cập nhật biên nhận chuyển khoản theo đúng hướng dẫn trong mail.

Bước 3: Bộ phận tuyển sinh xét duyệt hồ sơ trực tuyến: Sau khi thí sinh thực hiện đóng lệ phí duyệt hồ sơ và cập nhật biên nhận chuyển khoản, sẽ nhận được email xác nhận **ĐÃ ĐĂNG KÝ HỒ SƠ** và **CHỜ PHÊ DUYỆT HỒ SƠ** của Nhà trường.

Sau khi nhà trường kiểm tra hồ sơ của thí sinh:

+ Nếu **hồ sơ đầy đủ**, thí sinh nhận được email hoàn tất hồ sơ dự thi trực tuyến, hướng dẫn đóng lệ phí thi tuyển và thời gian nộp hồ sơ trực tuyến tại Trường.

+ Nếu **hồ sơ không đầy đủ hoặc chưa hợp lệ**, thí sinh sẽ nhận được email hướng dẫn bổ sung hồ sơ. Thí sinh cập nhật đầy đủ các mục còn thiếu trong hồ sơ theo yêu cầu và cập nhật bổ sung. Sau khi hoàn tất theo đúng yêu cầu, thí sinh sẽ nhận được

email hoàn tất hồ sơ dự thi trực tuyến, hướng dẫn đóng lệ phí thi tuyển và thời gian nộp hồ sơ trực tuyến tại Trường như minh họa tại mục trên.

Lưu ý: *Thí sinh cần kiểm tra hòm thư spam để tránh thất lạc email phản hồi về việc phê duyệt hồ sơ của nhà trường. Sau ngày 18/7/2025 nếu thí sinh không nhận được email phản hồi về việc phê duyệt hồ sơ, vui lòng liên hệ qua email tuyensinhsth@pnt.edu.vn để được giải quyết.*

Bước 4: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường:

Sau khi nộp hồ sơ trực tuyến và bổ sung, điều chỉnh hồ sơ theo hướng dẫn của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (nếu có), thí sinh sẽ nộp hồ sơ hoàn chỉnh trực tiếp tại Trường.

Sau thời hạn trên, nếu thí sinh không đến nộp hồ sơ tại trường xem như không đăng ký tham dự kỳ thi tuyển sinh Sau đại học năm 2025. **Trường sẽ không giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại sau thời hạn trên.**

Bước 5: Tra cứu phiếu báo dự thi

- Đối với BSNT, CKI, CKII, Thạc sĩ: Từ ngày **12/8/2025**: Thí sinh tra cứu thông tin **phiếu báo dự thi** (Số báo danh và phòng thi) tại trang <https://tuyensinh.pnt.edu.vn/> Thí sinh sẽ **nhận Phiếu báo dự thi** vào lúc 08g00, ngày **18/08/2025** tại phòng thi.

- Đối với Nghiên cứu sinh: Vui lòng theo dõi email đã đăng ký tại trang đăng ký.

Phụ lục V
HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ ÔN TẬP TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

Bước 1: Đăng ký ôn thi:

- Thí sinh xem Đề cương ôn thi tại đường dẫn <https://psdh.pnt.edu.vn/> từ ngày 23/5/2025.

- Thí sinh truy cập đường dẫn: <http://tuyensinh.pnt.edu.vn> và chọn mục **Đăng ký lớp ôn tập**.

- **Thời gian ôn thi:** từ ngày 09/6/2025 đến 25/7/2025.

Bước 2: Đóng lệ phí ôn thi:

- Thí sinh đóng lệ phí ôn thi theo hướng dẫn trong email xác nhận đăng ký ôn tập.

- Sau khi hoàn tất đóng lệ phí ôn thi, thí sinh sẽ cập nhật minh chứng trên đường link trong email xác nhận.

***Lưu ý khi tham gia các buổi ôn tập:**

- Thí sinh vui lòng mang biên lai học phí khi tham dự lớp ôn tập. Nhân viên của Trường sẽ kiểm tra biên lai đóng lệ phí ôn thi tại lớp.

Phụ lục VI
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG – NGÀNH PHÙ HỢP DÀNH CHO
ĐỐI TƯỢNG XÉT TUYỂN TIẾN SĨ
(Kèm theo Thông báo số 1371 /TB-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 5 năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

Ngành đào tạo trình độ	Ngành đúng	Ngành phù hợp (Phải học bổ sung kiến thức)		
		Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II
Tiến sĩ	Thạc sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II
Ngoại khoa (9720104)	Ngoại khoa (8720104)	Ung thư	Ngoại khoa Ung thư	Ngoại - Tiêu hóa Ngoại - Lồng ngực Ngoại - Tim mạch Ngoại - Tiết niệu Ngoại - Thần kinh và Sọ não Chấn thương chỉnh hình Ngoại - Gan mật Ngoại - Nhi Ngoại - Bỏng Ngoại - Hậu môn Ngoại khoa Ung thư
Nhi khoa (9720106)	Nhi khoa (8720106)		Nhi khoa	Nhi - Sơ sinh Nhi - Tiêu hóa Nhi - Hô hấp Nhi - Tim mạch Nhi - Tâm thần Nhi - Thần kinh

Ngành đào tạo trình độ	Ngành đúng	Ngành phù hợp (Phải học bổ sung kiến thức)		
		Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Chuyên khoa II
Tiến sĩ	Thạc sĩ			Nhi - Huyết học Nhi - Thận Nhi - Truyền nhiễm Nhi - Nội tiết và chuyển hóa Nhi - Hồi sức Nhi khoa
Nội khoa (9720107)	Nội khoa (8720107)	Lao – Bệnh phổi Huyết học - Truyền máu Thần kinh Tâm thần Lão khoa	Nội khoa Lao Huyết học - Truyền máu Da liễu Thần kinh Tâm thần Lão khoa	Nội - Tiêu hóa Nội - Hô hấp Nội - Xương khớp Nội - Nội tiết Nội - Thận tiết niệu Nội - Tim mạch Lão khoa Dị ứng Nội khoa Lao Huyết học Da liễu Thần kinh Tâm thần
Tai - Mũi - Họng (9720155)	Tai - Mũi - Họng (8720155)		Tai Mũi Họng	Thính học Mũi Họng Tai Mũi Họng